

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2018/HC-PT
Ngày 19 – 4 – 2018
V/v “*Khiếu kiện quyết định thu hồi,
hủy bỏ giấy chứng nhận QSD đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Lý

Các Thẩm phán: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Ông Đỗ Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Vũ Thanh Sơn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 527/2017/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2017 về việc “*Khiếu kiện quyết định về thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 31/2017/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 395/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Võ Thị Kim N, sinh năm 1948. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường T, phường x, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Võ Trọng K, sinh năm 1978; địa chỉ: đường P, phường Y, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (theo giấy ủy quyền ngày 16 tháng 05 năm 2017 – có mặt)

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: đường H, phường Z, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M (có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 13/4/2018).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Phục H1, sinh năm 1941;

3.2. Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1969;

3.3. Bà Trần Thị Phương T1, sinh năm 1971;

3.4. Bà Trần Thị Anh T2, sinh năm 1975;

3.5. Bà Nguyễn Như N1, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: đường T, phường x, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (tất cả đều có đơn xin xét xử vắng mặt từ cấp sơ thẩm).

3.6. Bà Lê Thị Thu H2, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: đường T, phường x, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

4. Người kháng cáo: Bà Võ Thị Kim N – Người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, người khởi kiện bà Võ Thị Kim N trình bày:

Ngày 11/4/2017, Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành quyết định số: 2078/QĐ-UBND nội dung thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01273/QSDĐ/820/QĐ-UB (17/9/2003) ngày 18/12/2003 đã cấp cho hộ của bà diện tích 68,3m² loại đất ở, thửa đất số 73, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại đường T, phường x, thành phố M, tỉnh Tiền Giang với lý do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng diện tích.

Nguồn gốc nhà, đất này bà mua của bà Trần Thị S vào năm 1976. Năm 1986, bà được Sở Quản lý nhà đất và công trình đô thị tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số: 1413/NĐ ngày 13/12/1986. Ngày 18/12/2003, bà được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01273/QSDĐ/828/QĐ-UB (17/9/2003). Ngày 23/11/2007, Ủy ban nhân dân thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số: 828152825200736, hồ sơ gốc số 834-226/2007/QĐ-UB.GCN cho vợ chồng bà là ông Trần Phục H1 và bà Võ Thị Kim N, trong đó thể hiện diện tích đất là 68,3m², thửa đất số 73, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại đường T, phường x, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, bà đã sinh sống ổn định, công khai, liên tục tại căn nhà và đất này từ năm 1976 cho đến nay và không

có tranh chấp với ai, đóng thuế đầy đủ và được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà, nay đột nhiên Ủy ban nhân dân thành phố M ra quyết định thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lý do giấy cấp không đúng diện tích đất, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án xử hủy Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố M về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ của bà.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố M trình bày:

Qua kiểm tra hồ sơ, căn nhà đường T, phường x, thành phố M, tỉnh Tiền Giang có nguồn gốc do bà Võ Thị Kim N mua của bà Trần Thị S từ năm 1976 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa số 1413/NĐ do Sở Xây dựng tỉnh Tiền Giang cấp ngày 13/12/1986 với diện tích 45m² (3mx15m). Ngày 21/12/2000, bà Võ Thị Kim N có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, đơn đã được Hội đồng xét duyệt phường 4 xác nhận: “Đất thổ cư do Trần Thị S nhượng lại năm 1976. Đất không tranh chấp. Đề nghị cấp giấy chứng nhận”. Trên cơ sở đó, ngày 18/12/2003, Ủy ban nhân dân thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01273QSDĐ/820/QĐ-UB (17/9/2003) cho hộ bà Võ Thị Kim N với diện tích 68,3m² loại đất ở, thuộc tờ bản đồ số 08, thửa đất số 73 (giấy cấp diện đại trà).

Trong quá trình sử dụng, bà Lê Thị Thu H2, chủ sử dụng đất giáp ranh hướng Bắc, có đơn phản ánh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Võ Thị Kim N với lý do cấp cả phần diện tích thuộc sân và lối đi chung trong khu vực. Ngày 17/01/2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường kết hợp UBND phường X khảo sát thực tế phần đất tọa lạc tại đường T, phường x, thành phố M, tỉnh Tiền Giang đối chiếu với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ Võ Thị Kim N diện tích 68,3m² trong đó có cả phần diện tích thuộc lối đi chung thuộc ranh hướng Đông và Nam của 03 hộ gồm: hộ bà Võ Thị Kim N (số 143/24), hộ Lê Thị Thu H2 (143/26) và hộ Trần Thị Thu T (143/22), cụ thể:

- Phần nhà đất số 143/26, giáp ranh hướng Bắc của phần đất hộ bà Võ Thị Kim N có nguồn gốc do bà Lê Thị Thu H2 thừa kế của ông Lê Văn Hôn từ năm 2010. Bà Lê Thị Thu H2 đã được UBND thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: 00415 ngày 23/02/2011, diện tích đất 39,8m², trong đó hướng Nam có

một phần thể hiện là hẻm cắt rộng 1,2m (phần hẻm cắt này là phần trong tổng diện tích 68,3m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Võ Thị Kim N).

- Phần nhà đất số 143/22, giáp ranh hướng Nam của phần đất hộ bà Võ Thị Kim N có nguồn gốc do bà Trần Thị Thu T nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Nguyễn Cẩm U, bà T đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS05302 ngày 14/9/2016, diện tích đất 64,8m², trong đó ranh hướng Đông giáp hẻm cắt + sân chung rộng 4,9m (phần hẻm cắt + sân chung này giáp một phần đất theo giấy chứng nhận đã cấp cho hộ bà Võ Thị Kim N).

Như vậy, một phần đất giáp ranh hướng Đông của 02 hộ Võ Thị Kim N và Trần Thị Thu T thuộc lối đi chung của 03 hộ. Lối đi này đã tồn tại từ trước đến nay, cụ thể: trên Giấy chứng nhận đã cấp cho hộ ông Lê Văn H3 (143/26 trước khi hộ bà Lê Thị Thu H2 nhận thừa kế) thể hiện hướng Nam có một phần giáp hẻm cắt rộng 1,2m và Giấy chứng nhận cấp cho bà Nguyễn Nguyễn Cẩm U (số 143/22, trước khi chuyển nhượng cho bà Trần Thị Thu T) cũng đã thể hiện ranh hướng Đông giáp hẻm cắt + sân chung rộng 4,9m như đã nói ở phần trên. Mặt khác, theo Biên bản họp dân ngày 07/12/2016 điều ý kiến xác định phần đất giáp ranh hướng Đông nhà đất số 143/24 đường T của hộ bà Võ Thị Kim N có một phần thuộc sân chung của 03 hộ số 143/22, 143/24 và 143/26 sử dụng từ trước ngày 30/4/1975 cho đến nay. Việc UBND thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Võ Thị Kim N có một phần diện tích thuộc đường đi, sân chung là không phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai. Cụ thể, tại khoản 1 Điều 13 quy định về xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khu vực đô thị (ban hành kèm theo Quyết định số 03/2001/QĐ-UB ngày 06/02/2001 của UBND tỉnh Tiền Giang): Trường hợp lấn chiếm đất công cộng hay đất của người khác thì không xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Đối chiếu với quy định pháp luật đất đai hiện hành, trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Võ Thị Kim N như đã nói trên là không đúng diện tích đất, Nhà nước phải thu hồi giấy chứng nhận đã cấp theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 106 Luật đất đai.

Căn cứ điểm c khoản 56 Điều 2 Nghị định số: 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, ngày 11/4/2017 UBND thành phố M ban hành

Quyết định số: 2078/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01273 QSDĐ/820/QĐ.UB (17/9/2003) ngày 18/12/2003 đã cấp cho hộ bà Võ Thị Kim N với diện tích 68,3m² loại đất ở, thuộc tờ bản đồ số 08, thửa đất số 73, đất tọa lạc tại đường T, phường X, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu H2 trình bày:

Trước ngày giải phóng rất lâu cả 3 hộ: số 143/22; 143/24 và 143/26 đường T, phường X, thành phố M đều sử dụng chung phần diện tích sân và đường đi công cộng trên 30m². Khi làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà cửa, cơ quan chức năng lúc bấy giờ là Sở quản lý nhà đất hoặc Sở Xây dựng Tiền Giang cũng công nhận đối với thực tế đã xây dựng, không công nhận phần diện tích dư ra.

Sau giải phóng, bà Trần Thị S (chủ hộ số 143/24) bán nhà lại cho bà Võ Thị Kim N. Hồ sơ mua bán nhà thực hiện theo quy định của ngành chức năng, phần diện tích sân và đường đi công cộng vẫn được sử dụng chung cho cả 03 hộ.

Đến khoảng năm 2004, bà Võ Thị Kim N làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không rõ thế nào mà UBND phường X lập hồ sơ xét duyệt và được UBND thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị Kim N diện tích hơn 68m², trong đó có cả phần đất là đất công được sử dụng làm sân và đường đi công cộng của 03 hộ trên.

Trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như vậy nên gia đình bà N đã gây khó khăn cho việc đi lại, sử dụng và sinh hoạt cho 2 hộ còn lại nhất là đường đi vào nhà bà, vì nhà bà nằm phía trong cùng của đường đi. Mỗi khi gia đình bà có ý kiến trao đổi thì nhà bà N có những lời lẽ không đúng. Nhiều lần Chính quyền địa phương can thiệp nhưng không có kết quả nên gia đình bà đã có đơn phản ánh và đề nghị cơ quan cấp thẩm quyền giải quyết.

Sự việc trên chưa giải quyết xong thì khoảng năm 2017, bà Trần Thị Thu T (con ruột bà N) đã mua lại căn nhà số 143/22 T và bà T đã chiếm dụng 01 phần diện tích sân và đường đi công cộng để xây dựng hành lang kiên cố, lúc này UBND phường X đã yêu cầu đình chỉ không cho xây ra ngoài diện tích đất nhưng bà T vẫn cố tình chiếm dụng.

Qua những sự việc trên, bà yêu cầu bà N và bà T trả lại phần diện tích sân và đường đi công cộng để 03 hộ trên cùng sử dụng chung, bà N không

được có những lời lẽ, hành vi gây khó khăn cho việc đi lại, sử dụng, sinh hoạt trên phần diện tích sân và đường đi công cộng này.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 31/2017/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 2 Điều 32; Điều 116; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính; điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai năm 2013; điểm c khoản 56 Điều 2 Nghị định số: 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Võ Thị Kim N, yêu cầu hủy Quyết định số: 2078/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố M về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01273/QSDĐ/820/QĐ-UB (17/9/2003) ngày 18/12/2003 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho hộ bà Võ Thị Kim N với diện tích 68,3m² loại đất ở, thửa đất số 73, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại đường T, phường x, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/9/2017, người khởi kiện là bà Võ Thị Kim N làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, hủy Quyết định số: 2078/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố M về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên kháng cáo; các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Kim N và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án đã triệu tập họp lệ, người kháng cáo bà Võ Thị Kim N vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa; người có liên quan đến kháng cáo là Ủy ban nhân dân thành phố M có đơn xin xét xử vắng mặt; Một số người là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và là người trong gia đình bà Võ Thị Kim N, đã có đơn

xin vắng mặt từ cấp sơ thẩm, không có liên quan đến kháng cáo. Do đó, căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Ngày 11/4/2014, Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành quyết định số: 2078/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01273/QSĐĐ/820/QĐ-UB (17/9/2003) ngày 18/12/2003 do UBND thành phố M cấp cho hộ bà Võ Thị Kim N diện tích 68,3m², loại đất ở, thửa số 73, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại số 143/24 đường Tết Mậu Thân, phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, với lý do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng diện tích. Người đại diện của bà N cho rằng giấy cấp đúng thủ tục, đúng diện tích theo biên bản đo đạc, có các hộ ký giáp ranh là hợp pháp, UBND thành phố M thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận đã cấp là không đúng, và quyết định do Phó Chủ tịch ký là không đúng thẩm quyền nên khởi kiện yêu cầu hủy quyết định. Còn UBND thành phố M thì cho rằng việc ban hành quyết định số: 2078/QĐ-UBND là đúng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai năm 2013, vì giấy chứng nhận cấp không đúng diện tích đất của bà N mà có cả phần đất là đường đi, sân chung của 03 hộ số 143/22, 143/24 và 143/26 là không phù hợp quy định của pháp luật về đất đai.

[3] Xét theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Võ Thị Kim N thể hiện, nguồn gốc căn nhà số 143/24 bà N mua lại của bà Trần Thị S từ năm 1976. Ngày 13/12/1986, được Sở Xây dựng tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa số: 1413/NĐ có diện tích 45m² (3m x 15m). Ngày 18/12/2003, UBND thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01273/QSĐĐ/821/QĐ-UB (17/9/2003) diện tích 68,3m², loại đất ở, thửa số 73, tờ bản đồ số 08. Diện tích tăng thêm 23,3m² này chưa thể hiện rõ chứng cứ pháp lý. Căn cứ theo sơ đồ thửa đất (BL70) thì phần nhà, đất số 143/24 của bà N giáp liền kề phía Bắc là nhà, đất số 143/26 của bà Lê Thị Thu H2, giáp liền kề phía Nam là nhà, đất số 143/22 của bà Trần Thị Thu T.

[4] Đối với nhà, đất số 143/26 (giáp ranh phía Bắc) do bà Thu H2 nhận thừa kế của ông Lê Văn H3 từ năm 2010, bà Thu H2 đã được cấp giấy chứng nhận số: CH 00415 ngày 23/02/2011 diện tích 39,8m²; Theo giấy chứng nhận đã cấp cho ông H3 trước đây và cấp cho bà H2 hiện nay đều thể hiện sơ đồ thửa đất hướng Nam có hẻm cắt rộng 1,2m. Đối với nhà, đất số 143/22 do bà T mua lại của bà Nguyễn Nguyễn Cẩm U, bà T đã được cấp giấy chứng

nhận số: CS 05302 ngày 14/9/2016 diện tích 64,8m²; Theo giấy chứng nhận đã cấp cho bà Uyên trước đây và cấp cho bà T hiện nay đều thể hiện hướng Đông giáp với hẻm cụt + sân chung rộng 4,9m.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, ý kiến các bên trình bày thống nhất là muốn đi vào nhà của bà H2 (số 143/26) thì phải đi ngang qua đất của bà N và bà T vì nhà bà H2 ở cuối hẻm cụt, ngoài lối đi này không còn lối đi nào khác. Hiện nay hẻm và sân chung vẫn còn nhưng diện tích sân không đủ vì bà N và bà T đã xây dựng bậc thêm vào nhà. Tại biên bản họp dân ngày 07/12/2016, những hộ dân sống lâu năm tại khu phố đều xác nhận phần đất giáp ranh hướng Đông nhà số 143/24 của hộ bà N có một phần diện tích thuộc hẻm và sân chung của 3 hộ số 143/22, 143/24 và 143/26 sử dụng từ trước năm 1975 đến nay. Tại Biên bản khảo sát hiện trạng thực tế ngày 17/01/2017 của Phòng TN&MT và UBND phường X (có bà Võ Thị Kim N chứng kiến, ký tên), đối chiếu thực tế với giấy chứng nhận thì trong diện tích 68,3m² của giấy chứng nhận đã cấp cho bà N có cả phần diện tích thuộc lối đi chung ở ranh hướng Đông của 3 hộ.

[6] Từ những chứng cứ nêu trên, UBND thành phố M xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Võ Thị Kim N không đúng diện tích, có một phần là đất lối đi và sân chung, nên quyết định thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là đúng quy định theo điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ hướng dẫn là có căn cứ. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành đúng quy định. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim N là đúng pháp luật. Bà N kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào khác, không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Ý kiến người đại diện của bà N còn cho rằng quyết định do Phó Chủ tịch ký là sai thẩm quyền, xét ý kiến này là không cơ sở, bởi vì theo Quyết định số: 2881/QĐ-UBND ngày 23/3/2016 của UBND thành phố M về việc phân công nhiệm vụ của các Ủy viên Ủy ban, Chủ tịch UBND thành phố M đã phân công cho các Phó Chủ tịch theo dõi quản lý, ký thay từng mảng công việc phụ trách trong đó có việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, quyết định của bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính; điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; điểm c khoản 56 Điều 2 Nghị định số: 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Võ Thị Kim N và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Võ Thị Kim N về yêu cầu hủy Quyết định số: 2078/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01273/QSDĐ/820/QĐ-UB (17/9/2003) ngày 18/12/2003 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho hộ bà Võ Thị Kim N diện tích 68,3m², loại đất ở, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại đường T, phường x, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

2. Về án phí: Bà Võ Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 001985 ngày 29/5/2015 và 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 002145 ngày 20/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang;
- Người khởi kiện (1);
- Người bị kiện (1);
- Người liên quan (6)
- Lưu VP (3). HS (2) 12b(PTHH)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Công Lý